

Số: 15/2019/NQ-HĐND

Hà Giang, ngày 19 tháng 7 năm 2019

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định chế độ tiếp khách nước ngoài, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chế độ tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Hà Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG  
KHOÁ XVII - KỲ HỌP THỨ CHÍN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước;*

*Xét Tờ trình số 32/TTr-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang về việc ban hành Quy định chế độ tiếp khách nước ngoài, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chế độ tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Hà Giang; Báo cáo thẩm tra số 23/BC-BKTNS ngày 15 tháng 7 năm 2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Quy định chế độ tiếp khách nước ngoài, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế do ngân sách địa phương đảm bảo toàn bộ kinh phí và chế độ tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Hà Giang (*Chi tiết theo Phụ lục số 01 và Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Nghị quyết này*).

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện. Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang khóa XVII, Kỳ họp thứ Chín thông qua ngày 19 tháng 7 năm 2019, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2019 và thay thế Nghị quyết số 58/2012/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh, quy định chế độ chi tiếp khách nước ngoài, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chế độ tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Hà Giang./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu, UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TTr Tỉnh ủy; HĐND; UBND; UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH khóa XIV tỉnh HG;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XVII;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTr.HĐND-UBND huyện, thành phố;
- Báo Hà Giang; Đài PTTH tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Công báo;
- Lưu: VT, HĐND (1b).



**Thào Hồng Sơn**





# CHẾ ĐỘ CHI ĐÓN TIẾP KHÁCH NƯỚC NGOÀI; TỔ CHỨC CÁC HỘI NGHỊ, HỘI THẢO QUỐC TẾ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ GIANG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 15/2019/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang)

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		Ghi chú
			Mức chi tối đa tại tỉnh	Mức chi tối đa tại huyện	
I	Mức chi tiếp khách nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh				
1	Chi đón, tiễn khách tại sân bay, cửa khẩu				
	Hoa tặng	đồng/người	500.000	500.000	
2	Tiêu chuẩn thuê chỗ ở	đồng/người/ngày			
a	Khách hạng A				Trường hợp trên địa bàn không có khách sạn hạng sang, thì chỉ thanh toán theo hóa đơn mức giá niêm yết của khách sạn
	- Trưởng đoàn		3.800.000	3.000.000	
	- Phó đoàn		3.200.000	2.500.000	
	- Đoàn viên		2.500.000	2.000.000	
b	Khách hạng B				
	- Trưởng đoàn, phó đoàn		3.000.000	2.500.000	
	- Đoàn viên		2.000.000	1.500.000	
c	Khách hạng C				
	- Trưởng đoàn		1.800.000	1.500.000	
	- Đoàn viên		1.300.000	1.000.000	
d	Khách mời quốc tế khác		800.000	600.000	
3	Tiêu chuẩn ăn hàng ngày (đã bao gồm đồ uống)	đồng/ngày/người			2 bữa trưa và tối
a	Khách hạng A		1.000.000	900.000	
b	Khách hạng B		800.000	700.000	
c	Khách hạng C		600.000	500.000	
d	Khách mời quốc tế khác		500.000	400.000	

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		Ghi chú
			Mức chi tối đa tại tỉnh	Mức chi tối đa tại huyện	
4	<b>Chi tiền ăn sáng</b>	đồng/người/ngày			
a	Khách hạng A		Mức chi tối đa bằng 10% mức chi tiền ăn hàng ngày theo mức quy định tại mục I khoản 3 nêu trên		Trong trường hợp giá thuê phòng ở khách sạn chưa bao gồm tiền ăn sáng
b	Khách hạng B				
c	Khách hạng C				
d	Khách mời quốc tế khác				
5	<b>Tổ chức chiêu đãi (1 lần/đoàn)</b>	đồng/người			
a	Khách hạng A		1.000.000	900.000	Áp dụng cho đại biểu và phiên dịch phía Việt Nam tham gia tiếp khách; Trong ngày tổ chức tiệc chiêu đãi thì bữa trưa (hoặc tối) còn lại (nếu có) được thực hiện theo tiêu chuẩn bằng 50% tiêu chuẩn ăn hàng ngày theo quy định tại mục I khoản 3 nêu trên
b	Khách hạng B		800.000	700.000	
c	Khách hạng C		600.000	500.000	
6	<b>Tiêu chuẩn tiếp xã giao và các buổi làm việc (đồ uống, hoa quả, bánh ngọt)</b>	đồng/người/ngày (2 buổi làm việc)			
a	Khách hạng A		300.000	250.000	
b	Khách hạng B		150.000	120.000	
c	Khách hạng C, khách quốc tế khác		100.000	80.000	
7	<b>Chi văn hoá, văn nghệ</b>				
	Chi áp dụng đối với khách hạng A, B, C (xem biểu diễn nghệ thuật dân tộc 1 lần/đoàn)		chi theo thực tế	chi theo thực tế	
8	<b>Chi tặng phẩm</b>	đồng/người			
a	Khách hạng A				



TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		Ghi chú
			Mức chi tối đa tại tỉnh	Mức chi tối đa tại huyện	
	- Trưởng đoàn		1.300.000	1.100.000	
	- Phụ nhân (Phụ quân) của trưởng đoàn		1.300.000	1.100.000	
	- Đại biểu khác		500.000	400.000	
b	Khách hạng B				
	- Trưởng đoàn		900.000	700.000	
	- Phụ nhân (Phụ quân)		900.000	700.000	
	- Đại biểu khác		500.000	400.000	
9	Chế độ đối với cán bộ địa phương	đồng/người/ngày			
a	Chế độ công tác phí		thực hiện theo quy định hiện hành		
b	Trường hợp thuê chỗ nghỉ tập trung	đồng/02 người/phòng/ngày	theo giá quy định tại mục I khoản 2	theo giá quy định tại mục I khoản 2	Trường hợp đoàn có lẻ người khác giới thì được thuê 01 người/phòng
10	Chi dịch thuật				
a	Chi biên dịch (1 trang 350 từ)	đồng/trang			
	- Biên dịch một trong 6 ngôn ngữ chính thức của Liên hợp quốc sang tiếng Việt (gồm: tiếng Ả Rập, tiếng Hoa, tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga và tiếng Tây Ban Nha)		150.000	150.000	
	- Biên dịch tiếng Việt sang một trong 6 ngôn ngữ chính thức của Liên hợp quốc		180.000	180.000	
	- Ngôn ngữ ngoài ngôn ngữ chính thức của Liên hợp quốc		tăng 30% so mức chi trên	tăng 30% so mức chi trên	Áp dụng trong trường hợp cơ quan, đơn vị, địa phương không có người phiên dịch phải đi thuê

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		Ghi chú
			Mức chi tối đa tại tỉnh	Mức chi tối đa tại huyện	
b	Chi dịch nói	đồng/giờ/người			
	- Dịch nói thông thường		250.000	250.000	
	- Dịch đuổi ( <i>dịch đồng thời</i> )		500.000	500.000	
<b>II</b>	<b>Chi hội nghị, hội thảo quốc tế tại tỉnh</b>				
1	Tiêu chuẩn thuê chỗ ở		theo mức quy định tại mục I nêu trên		
2	Tiêu chuẩn ăn hàng ngày ( <i>2 bữa trưa và tối</i> )				
3	Chi tiền ăn sáng				
4	Giải khát giữa giờ ( <i>2 buổi làm việc</i> )	đồng/người/ngày	theo mức quy định tại mục I khoản 6		Áp dụng cho cả đại biểu và phiên dịch phía Việt Nam
<b>III</b>	<b>Đôi ngoại biên phòng</b>				
1	Chi đón tiếp, tiêu chuẩn ăn, nghỉ, tổ chức chiêu đãi, tiếp xã giao, văn hóa, văn nghệ		theo mức quy định tại mục I nêu trên		Đối với các Đoàn biên phòng không tổ chức chiêu đãi
2	Tặng phẩm				
a	Cho tập thể	đồng/đoàn	4.000.000	4.000.000	
b	Cho cá nhân	đồng/người	400.000	400.000	
3	Giải khát giữa giờ ( <i>2 buổi làm việc</i> )	đồng/người/ngày	80.000	60.000	
<b>IV</b>	<b>Hội nghị giao ban biên giới thường kỳ</b>				
1	Tiêu chuẩn thuê chỗ ở ( <i>không bao gồm ăn sáng</i> )	đồng/người/ngày	400.000	300.000	Trường hợp hội nghị do cấp xã tổ chức, được áp dụng mức chi như mức chi đối với cấp huyện
2	Tiêu chuẩn ăn hàng ngày ( <i>2 bữa trưa và tối</i> )	đồng/người/ngày	270.000	250.000	
3	Giải khát giữa giờ ( <i>2 buổi làm việc</i> )	đồng/người/ngày	60.000	40.000	



TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		Ghi chú
			Mức chi tối đa tại tỉnh	Mức chi tối đa tại huyện	
4	Chi tiền ăn sáng	đồng/người/ngày	tối đa bằng 20% mức chi tiền ăn		Trường hợp hội nghị do cấp xã tổ chức, được áp dụng mức chi như mức chi đối với cấp huyện
5	Chi cho cán bộ địa phương		theo quy định tại điểm 1, 2 Khoản 9, mục I nêu trên		
6	Chi dịch thuật		theo quy định Khoản 10, mục I nêu trên		
V	Chi đưa khách đi thăm quan		Mức chi ăn, nghỉ cho khách và cán bộ Việt Nam đưa đoàn đi tham quan thực hiện theo quy định tại khoản 2, 3, 4 mục I nêu trên		

Ghi chú:

Mức chi trong phụ lục này là mức chi tối đa và đã bao gồm thuế giá trị gia tăng, chi thực tế thấp hơn mức chi tối đa thì chi theo thực tế và có trong dự toán duyệt.

## PHỤ LỤC SỐ 02

## CHẾ ĐỘ CHI TIÊU TIẾP KHÁCH TRONG NƯỚC LÀM VIỆC TẠI TỈNH HÀ GIANG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 15/2019/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang) *rel*

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi			Ghi chú
			Mức chi tối đa tại tỉnh	Mức chi tối đa tại huyện	Mức chi tối đa tại xã	
I	Chi giải khát	đồng/người/ngày	50.000	40.000	30.000	
II	Chi tiền ăn (bao gồm cả đồ uống)					2 bữa trưa và tối
1	Đoàn khách do các đồng chí Bộ trưởng, Thứ trưởng và chức danh tương đương trong cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, Hàm cấp tướng trong lực lượng vũ trang, Bí thư, Phó Bí thư thường trực, Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân và Chủ tịch, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị các Tập đoàn kinh tế Nhà nước và các chức danh tương đương là Trưởng đoàn	đồng/người/ngày	600.000	500.000	400.000	
2	Đoàn lão thành cách mạng, đoàn Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Đoàn những người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số; đoàn của già làng, trưởng thôn	đồng/người/ngày	500.000	400.000	300.000	90% mức chi mục 1
3	Khách là các nhà viện trợ, tài trợ cho địa phương	đồng/người/ngày	500.000	400.000	300.000	90% mức chi mục 1
4	Khách đến làm việc tại các cơ quan, đơn vị	đồng/người/ngày				
a	Cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh		400.000			Đối tượng khách được tiếp và mức chi ở từng cơ quan, đơn vị do Thủ trưởng quyết định trong kinh phí tự chủ được giao và quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ
b	Cấp huyện; các đơn vị trực thuộc Sở; đơn vị khác cấp tỉnh			350.000		
c	Cấp xã				250.000	

Ghi chú: Mức chi trong Phụ lục này là mức chi tối đa và đã bao gồm thuế giá trị gia tăng, chi thực tế thấp hơn mức chi tối đa thì chi theo thực tế và có trong dự toán duyệt